

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày: 19-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Hồ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 03/4/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Chu Văn C, sinh năm 1970; HKTT: Thôn D, xã T, huyện Ú, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Tổ D, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông C trình bày:**

Ông C có mối quan hệ quen biết với bà N nên có cho bà N mượn số tiền 70.000.000 đồng. Cụ thể :

Ngày 24/01/2019, ông C cho bà N mượn 20.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 24/01/2019. Thời gian mượn là 02 tháng. Ngày 25/3/2019, ông C cho bà N mượn 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/3/2019. Hẹn 01 tháng sẽ thanh toán.

Chữ ký “Nga” trong các giấy mượn tiền trên là của bà N ký tên. Do bà N chưa thanh toán nên ông C khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán 70.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 29/03/2024, ông C rút yêu cầu khởi kiện 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/3/2019 để khởi kiện trong vụ án khác. Ông C chỉ khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán 20.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 30/8/2023; bản tự khai ngày 30/8/2023, giấy mượn tiền ngày 24/01/2019, ngày 25/3/2019.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà N trình bày:**

Ngày 24/01/2019, bà N có vay 20.000.000 đồng của ông C. Chữ ký “Nga” chữ viết họ tên Nguyễn Thị N trong giấy mượn tiền ngày 24/01/2019 là của bà N. Sau đó, bà N đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc cho ông C nhưng không lập giấy tờ. Hiện tại, bà N còn nợ 03 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng nên bà N đồng ý trả 6.000.000 đồng cho ông C.

Đối với giấy mượn tiền ngày 25/3/2019 mượn 50.000.000 đồng thì bà N không thừa nhận chữ ký. Nay, ông C rút yêu cầu thì bà đồng ý.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2023.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2024 ông C rút yêu cầu khởi kiện 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/3/2019, chỉ yêu cầu bà N thanh toán 20.000.000 đồng. Bà N trình bày đã trả tiền cho ông C nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc bà N phải thanh toán 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn bà N có mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà N có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông C yêu cầu bà N thanh toán 20.000.000 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Giấy mượn tiền ngày 24/1/2019 nguyên đơn cung cấp là bản chính, có chữ ký “Nga” và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị N”.

[3.2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà N thừa nhận có vay ông C 20.000.000 đồng, thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà N. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông C cho nên đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N còn trình bày rằng đã thanh toán 20.000.000 đồng cho ông C nhưng không nhớ trả khi nào. Tòa án có yêu cầu bà N cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả tiền theo thông báo số 461/TB-TA ngày 03/11/2023 nhưng đến nay bà N không cung cấp được. Do đó, ý kiến của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo giấy mượn tiền, thời hạn mượn là 02 tháng kể từ ngày 24/1/2019. Hiện nay, khoản nợ đã quá hạn, bà N chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông C tự nguyện rút yêu cầu 50.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 25/3/2019 để khởi kiện trong vụ án khác. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Chu Văn C đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn C số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 24/01/2019.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn C đối với bà Nguyễn Thị N về số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 25/3/2019.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3.2. Hoàn trả cho ông Chu Văn C số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009457 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

- Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 19/4/2024).

- Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

